

NOTE: THIS FORM IS FOR INFORMATIONAL PURPOSES ONLY. DO NOT COMPLETE THIS FORM FOR FILING. USE THE ENGLISH VERSION OF THE AOC-CV-306 INSTEAD.

LƯU Ý: MẪU NÀY CHỈ SỬ DỤNG VỚI MỤC ĐÍCH THAM KHẢO THÔNG TIN. KHÔNG ĐIỀN VÀ NỘP MẪU NÀY. SỬ DỤNG MẪU AOC-CV-306 BẰNG TIẾNG ANH ĐỂ THAY THẾ.

Case No. Số Vụ	<input type="text"/>	DOMESTIC VIOLENCE ORDER OF PROTECTION <input type="checkbox"/> CONSENT ORDER LỆNH BẢO VỆ VÌ BẠO LỰC GIA ĐÌNH <input type="checkbox"/> LỆNH ĐỒNG THUẬN	G.S. 50B-2, -3, -3.1 G.S. 50B-2, -3, -3.1
Court Tòa án	General Court Of Justice District Court Division Hệ Thống Tòa Án Công Lý Phân Bộ Tòa Án Khu Vực		
County Quận/hạt	<input type="text"/> NORTH CAROLINA NORTH CAROLINA		

PETITIONER/PLAINTIFF NGƯỜI NỘP ĐƠN/NGUYÊN ĐƠN	PETITIONER/PLAINTIFF IDENTIFIERS THÔNG TIN NHẬN DIỆN NGƯỜI NỘP ĐƠN/NGUYÊN ĐƠN		
<input type="text"/>	<input type="text"/>		
First Tên	Middle Chữ lót	Last Họ	Date Of Birth Of Petitioner (mm/dd/yyyy) Ngày sinh của nguyên đơn (tháng/ngày/năm)

And/or on behalf of minor family member(s): (List Name And DOB) (mm/dd/yyyy) Và/hoặc thay mặt cho (các) trẻ chưa thành niên trong gia đình: (Liệt kê tên họ và ngày sinh) (tháng/ngày/năm)	Other Protected Persons/DOB (mm/dd/yyyy): Những người cần được bảo vệ khác/Ngày sinh (tháng/ngày/năm):																
<table border="1"><tr><td><input type="text"/></td><td><input type="text"/></td></tr><tr><td><input type="text"/></td><td><input type="text"/></td></tr><tr><td><input type="text"/></td><td><input type="text"/></td></tr><tr><td><input type="text"/></td><td><input type="text"/></td></tr></table>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<table border="1"><tr><td><input type="text"/></td><td><input type="text"/></td></tr><tr><td><input type="text"/></td><td><input type="text"/></td></tr><tr><td><input type="text"/></td><td><input type="text"/></td></tr><tr><td><input type="text"/></td><td><input type="text"/></td></tr></table>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>
<input type="text"/>	<input type="text"/>																
<input type="text"/>	<input type="text"/>																
<input type="text"/>	<input type="text"/>																
<input type="text"/>	<input type="text"/>																
<input type="text"/>	<input type="text"/>																
<input type="text"/>	<input type="text"/>																
<input type="text"/>	<input type="text"/>																
<input type="text"/>	<input type="text"/>																

**VERSUS
KIẾN**

RESPONDENT/DEFENDANT BỊ ĐƠN/BỊ CÁO	RESPONDENT/DEFENDANT IDENTIFIERS THÔNG TIN NHẬN DIỆN BỊ ĐƠN/BỊ CÁO												
<input type="text"/>	<table border="1"><tr><td>Sex Giới tính</td><td>Race Chủng tộc</td><td>DOB (mm/dd/yyyy) Ngày sinh (tháng/ngày/năm)</td><td>HT Chiều cao</td></tr><tr><td>WT Trọng lượng</td><td>Eyes Màu mắt</td><td>Hair Màu tóc</td><td>Social Security Number Số an sinh xã hội</td></tr><tr><td>Drivers License No. Số bằng lái</td><td>State Tiểu bang</td><td>Expiration Date (mm/dd/yyyy) Ngày hết hạn (tháng/ngày/năm)</td><td></td></tr></table>	Sex Giới tính	Race Chủng tộc	DOB (mm/dd/yyyy) Ngày sinh (tháng/ngày/năm)	HT Chiều cao	WT Trọng lượng	Eyes Màu mắt	Hair Màu tóc	Social Security Number Số an sinh xã hội	Drivers License No. Số bằng lái	State Tiểu bang	Expiration Date (mm/dd/yyyy) Ngày hết hạn (tháng/ngày/năm)	
Sex Giới tính	Race Chủng tộc	DOB (mm/dd/yyyy) Ngày sinh (tháng/ngày/năm)	HT Chiều cao										
WT Trọng lượng	Eyes Màu mắt	Hair Màu tóc	Social Security Number Số an sinh xã hội										
Drivers License No. Số bằng lái	State Tiểu bang	Expiration Date (mm/dd/yyyy) Ngày hết hạn (tháng/ngày/năm)											
Relationship to Petitioner: <input type="checkbox"/> spouse <input type="checkbox"/> former spouse Quan hệ với nguyên đơn: <input type="checkbox"/> vợ/chồng <input type="checkbox"/> trước đây là vợ/chồng <input type="checkbox"/> unmarried, of opposite sex, currently or formerly living together người khác giới đã hay đang chung sống với nguyên đơn mà không có giấy hôn thú <input type="checkbox"/> unmarried, have a child in common có con chung mà không có giấy hôn thú <input type="checkbox"/> of opposite sex, currently or formerly in dating relationship người khác giới đã hay đang hẹn hò với nguyên đơn <input type="checkbox"/> current or former household member người đã hay đang sống chung gia hộ <input type="checkbox"/> parent <input type="checkbox"/> grandparent <input type="checkbox"/> child <input type="checkbox"/> grandchild phụ huynh ông/bà con cháu	Distinguishing Features Đặc điểm nhận diện <input type="text"/>												
Respondent's/Defendant's Address Địa chỉ của bị đơn/bị cáo <input type="text"/>													
CAUTION: CẢNH CÁO: <input type="checkbox"/> Weapon Involved Có liên quan đến vũ khí nguy hiểm													

(Over)
(Xem mặt sau)

**THE COURT HEREBY FINDS THAT:
TÒA ÁN NÀY XÁC NHẬN RẰNG:**

This matter was heard by the undersigned district court judge, the court has jurisdiction over the parties and subject matter, and the Respondent/Defendant has been provided with reasonable notice and opportunity to be heard.

Thẩm phán tòa án khu vực ký tên dưới đây đã thụ lý vụ án này, tòa án có thẩm quyền đối với các đương sự và nội dung vụ án, và bị đơn/bị cáo đã được thông báo và có cơ hội trình bày thích đáng với tòa án.

Additional findings of this order are set forth on Page 2.

Các xác nhận khác liên quan đến lệnh này được ghi ở trang 2.

**THE COURT HEREBY ORDERS THAT:
BÂY GIỜ TÒA ÁN RA LỆNH RẰNG:**

The above named Respondent/Defendant shall not commit any further acts of domestic violence or make any threats of domestic violence (G.S. 50B-1).

Bị đơn/bị cáo có tên trên đây bị cấm tiếp tục thực hiện hay đe dọa thực hiện bất cứ hành động bạo lực nào nữa đối với người trong gia đình (G.S. 50B-1).

The above named Respondent/Defendant shall have no contact with the Petitioner/Plaintiff. No contact includes any defendant-initiated contact, except through an attorney, direct or indirect, by means such as telephone, personal contact, email, pager, gift-giving or telefacsimile machine. [05]

Bị đơn/bị cáo có tên trên đây bị cấm tiếp xúc với người nộp đơn/nguyên đơn. Lệnh cấm tiếp xúc bao gồm tất cả các hình thức tiếp xúc trực tiếp hay gián tiếp mà bị cáo là người chủ động, như là tiếp xúc cá nhân, qua điện thoại, email, máy nhắn, máy fax hay tặng quà, chỉ trừ việc tiếp xúc thông qua một luật sư. [05]

Additional terms of this order are as set forth on Pages 3 and 4.

Các điều kiện khác liên quan đến lệnh này được ghi ở trang 3 và 4.

The terms of this order shall be effective until

Các điều kiện của lệnh này sẽ có hiệu lực cho đến

**WARNINGS TO THE RESPONDENT/DEFENDANT:
CẢNH BÁO CHO BỊ ĐƠN/BỊ CÁO:**

This order shall be enforced, even without registration, by the courts of any state, the District of Columbia, and any U.S. Territory, and may be enforced by Tribal Lands (18 U.S.C. Section 2265). Crossing state, territorial, or tribal boundaries to violate this order may result in federal imprisonment (18 U.S.C. Section 2262).

Các tòa án của tất cả các tiểu bang, Quận Columbia, bất kỳ lãnh thổ nào thuộc Hoa Kỳ, và có thể là các tòa án thuộc Vùng Đất Thổ Dân (Mục 2265, Chương 18 Bộ Luật Hoa Kỳ) đều có quyền thi hành lệnh này cho dù lệnh có được đăng ký ở các tòa án đó hay không. Việc đi qua ranh giới của tiểu bang, lãnh thổ hay vùng thổ dân với mục đích vi phạm lệnh này có thể dẫn đến việc bị giam tù liên bang (Mục 2262, Chương 18 Bộ Luật Hoa Kỳ).

Federal law makes it a crime for you to possess, transport, ship or receive any firearm or ammunition while this order is in effect even if this order does not prohibit you from possessing firearms. (18 U.S.C. Section 922(g)(8)).

Việc quý vị giữ, gửi, vận chuyển hay nhận bất cứ loại súng hay đạn dược nào trong khi lệnh này còn hiệu lực là một tội hình sự theo luật liên bang, ngay cả khi lệnh này không cấm quý vị giữ súng. (Mục 922(g)(8), Chương 18 Bộ Luật Hoa Kỳ).

This order will be enforced anywhere in North Carolina.

Lệnh này sẽ được thi hành ở tất cả mọi nơi trong tiểu bang North Carolina.

Only the Court can change this order. The plaintiff cannot give you permission to violate this order.

Tòa Án là cơ quan duy nhất có thẩm quyền thay đổi lệnh này. Nguyên đơn không có quyền cho phép quý vị vi phạm lệnh này.

See additional warnings on Page 4.

Hãy xem các cảnh báo thêm ở trang 4.

**ADDITIONAL FINDINGS
CÁC XÁC NHẬN KHÁC**

1. Present at the hearing were:

1. Những người có mặt tại phiên tòa là:

the plaintiff, represented by _____
nguyên đơn, được đại diện bởi _____

the defendant, represented by _____
bị cáo, được đại diện bởi _____

2. As indicated by the check block under Respondent/Defendant's name on Page 1, the parties are or have been in a personal relationship.

2. Căn cứ vào câu được đánh dấu trong mục dưới tên của bị đơn/bị cáo ở trang 1, các đương sự đã hay đang có một mối quan hệ cá nhân với nhau.

(Over)

(Xem mặt sau)

3. On (date (mm/dd/yyyy) of most recent conduct) _____, the defendant
3. Vào (ngày (tháng/ngày/năm) xảy ra hành vi gần đây nhất) _____, bị cáo đã
- a. attempted to cause intentionally caused bodily injury to the plaintiff (a) minor child(ren) in the custody of the plaintiff
- a. cố gắng gây cố ý gây thương tích cho nguyên đơn (a) (các) trẻ em chưa thành niên thuộc quyền giám hộ của nguyên đơn
- b. placed in fear of imminent serious bodily injury the plaintiff a member of the plaintiff's family a member of the plaintiff's household
- b. làm cho nguyên đơn một thành viên trong gia đình nguyên đơn một thành viên trong gia hộ của nguyên đơn cảm thấy sợ hãi là có thể bị thương tích trầm trọng trong thời gian trước mắt
- c. placed in fear of continued harassment that rises to such a level as to inflict substantial emotional distress the plaintiff a member of plaintiff's family a member of plaintiff's household
- c. làm cho nguyên đơn một thành viên trong gia đình nguyên đơn một thành viên trong gia hộ của nguyên đơn cảm thấy sợ hãi là có thể bị quấy nhiễu thường xuyên đến mức gây đau khổ tinh thần đáng kể
- d. committed an act defined in G.S. 14- 27.21 (1st deg. rape) 27.22 (2nd deg. rape) 27.26 (1st deg. sexual off.) 27.27 (2nd deg. sexual off.) 27.33 (sexual battery) 27.31 (sexual activity by substitute parent) against the plaintiff child(ren) living with or in the custody of the plaintiff
- d. có hành vi thuộc phạm vi của các định nghĩa trong G.S. 14- 27.21 (hiếp dâm bậc 1) 27.22 (hiếp dâm bậc 2) 27.26 (vi phạm tình dục bậc 1) 27.27 (vi phạm tình dục bậc 2) 27.33 (bạo hành tình dục) 27.31 (người thay mặt phụ huynh vi phạm vi tình dục) đối với nguyên đơn (các) trẻ em sống chung với hay thuộc quyền giám hộ của nguyên đơn

by (describe defendant's conduct)

cụ thể như sau (miêu tả hành vi của bị cáo)

4. The defendant is in possession of, owns or has access to firearms, ammunition, and gun permits described below. (Describe all firearms, ammunition, gun permits and give identifying number(s) if known, and indicate where defendant keeps firearms.)
4. Bị cáo đang giữ, sở hữu hoặc có thể dễ dàng có được các loại súng, đạn và giấy phép mang súng được miêu tả dưới đây. (Miêu tả tất cả các khẩu súng, đạn được, giấy cho phép mang súng và cho biết (các) mã số nhận dạng nếu biết được cũng như chỉ ra nơi bị cáo giữ súng.)

5. The defendant
5. Bị cáo đã
- a. used threatened to use a deadly weapon against the plaintiff minor child(ren) residing with or in the custody of the plaintiff
- a. sử dụng đe dọa sử dụng một vũ khí gây chết người để làm hại cho nguyên đơn (các) trẻ em chưa thành niên sống chung với hay thuộc quyền giám hộ của nguyên đơn
- b. has a pattern of prior conduct involving the use threatened use of violence with a firearm against persons
- b. nhiều lần có hành vi liên quan đến việc sử dụng đe dọa sử dụng súng để gây bạo lực với người khác
- c. made threats to seriously injure or kill the plaintiff minor child(ren) residing with or in the custody of the plaintiff
- c. đe dọa gây thương tích trầm trọng hay giết nguyên đơn (các) trẻ em chưa thành niên sống chung với hay thuộc quyền giám hộ của nguyên đơn
- d. made threats to commit suicide
- d. đe dọa tự tử
- e. inflicted serious injuries upon the plaintiff minor child(ren) residing with or in the custody of the plaintiff in that (state facts)
- e. gây thương tích trầm trọng cho nguyên đơn (các) trẻ em chưa thành niên sống chung với hay thuộc quyền giám hộ của nguyên đơn, cụ thể là (nếu ra các sự việc xảy ra) _____

(Over)
(Xem mặt sau)

6. The defendant plaintiff is presently in possession of the parties' residence at
 6. Hiện tại bị cáo nguyên đơn đang sống ở nhà chung của hai đương sự tại địa chỉ _____
7. The defendant plaintiff is presently in possession of the parties' vehicles described below:
 7. Hiện tại bị cáo nguyên đơn đang giữ xe chung của hai đương sự, được miêu tả dưới đây: _____
8. Other: (specify)
 8. Xác nhận khác: (cho biết cụ thể)

**CONCLUSIONS
CÁC KẾT LUẬN**

Based on these facts, the Court makes the following conclusions of law:
 Căn cứ vào những sự việc nêu trên, Tòa Án có các kết luận về luật pháp như sau:

1. The defendant has committed acts of domestic violence against the plaintiff.
 1. Bị cáo đã có hành vi bạo lực gia đình bất hợp pháp đối với nguyên đơn.
2. The defendant has committed acts of domestic violence against the minor child(ren) residing with or in the custody of the plaintiff.
 2. Bị cáo đã có hành vi bạo lực gia đình đối với (các) trẻ em chưa thành niên sống chung với hay thuộc quyền giám hộ của nguyên đơn.
3. There is danger of serious and immediate injury to the plaintiff. minor child(ren). [G.S. 50B-2(c)]
 3. Nguyên đơn (các) trẻ em chưa thành niên đang gặp nguy cơ bị thương tích trầm trọng trong thời gian trước mắt. [G.S. 50B-2(c)]
4. The defendant's conduct requires that he/she surrender all firearms, ammunition and gun permits. (G.S. 50B-3.1)
 4. Vì hành vi của bị cáo nên bị cáo phải giao nộp tất cả các loại súng, đạn và giấy phép mang súng. (G.S. 50B-3.1)
5. The plaintiff has failed to prove grounds for issuance of a domestic violence protective order.
 5. Nguyên đơn chưa chứng minh có đủ cơ sở để ban hành lệnh bảo vệ vì bạo lực gia đình.

**ORDER
ÁN LỆNH**

It is ORDERED that:
 Tòa RA LỆNH rằng:

1. the defendant shall not assault, threaten, abuse, follow, harass (by telephone, visiting the home or workplace or other means), or interfere with the plaintiff. A law enforcement officer shall arrest the defendant if the officer has probable cause to believe the defendant has violated this provision. **[01]**
 1. bị cáo không được phép hành hung, đe dọa, ngược đãi, theo dõi, quấy nhiễu (bằng điện thoại, trực tiếp đến nhà ở/sở làm hay bằng cách khác) hoặc làm phiền cho nguyên đơn. Một nhân viên thi hành luật pháp sẽ bắt giữ bị cáo nếu có cơ sở chính đáng để tin rằng bị cáo đã vi phạm quy định này. **[01]**
2. the defendant shall not assault, threaten, abuse, follow, harass (by telephone, visiting the home or workplace or other means), or interfere with the minor child(ren) residing with or in the custody of the plaintiff. A law enforcement officer shall arrest the defendant if the officer has probable cause to believe the defendant has violated this provision. **[01]**
 2. bị cáo không được phép hành hung, đe dọa, ngược đãi, theo dõi, quấy nhiễu (bằng điện thoại, trực tiếp đến nhà ở/sở làm hay bằng cách khác) hoặc làm phiền cho (các) trẻ em chưa thành niên sống chung với hay thuộc quyền giám hộ của nguyên đơn. Một nhân viên thi hành luật pháp sẽ bắt giữ bị cáo nếu có cơ sở chính đáng để tin rằng bị cáo đã vi phạm quy định này. **[01]**
3. the defendant shall not threaten a member of the plaintiff's family or household. **[02]**
 3. bị cáo không được phép đe dọa một thành viên trong gia đình hay gia hộ của nguyên đơn. **[02]**
- 3a. the defendant shall not cruelly treat or abuse an animal owned, possessed, kept, or held as a pet by either party or minor child residing in the household.
 3a. bị cáo không được phép ngược đãi hay đối xử tàn nhẫn với một con vật mà nguyên đơn, bị cáo hay một trẻ chưa thành niên sống trong gia hộ của họ đang sở hữu, nuôi giữ hay chăm sóc để làm thú cưng.

(Over)
 (Xem mặt sau)

4. the plaintiff is granted possession of, and the defendant is excluded from, the parties' residence described above and all personal property located in the residence except for the defendant's personal clothing, toiletries and tools of trade. **[03]**
4. nguyên đơn được quyền ở, và bị cáo không được phép vào, căn nhà chung nêu trên của hai đương sự, cũng như được quyền cầm giữ tất cả tài sản cá nhân ở trong nhà, trừ quần áo, dụng cụ vệ sinh cá nhân và đồ nghề riêng của bị cáo. **[03]**
5. any law enforcement agency with jurisdiction shall evict the defendant from the residence and shall assist the plaintiff in returning to the residence. **[08]**
5. bất cứ cơ quan nào có thẩm quyền thi hành luật pháp đều phải trục xuất bị cáo ra khỏi nhà và giúp nguyên đơn trở lại nhà. **[08]**
6. the plaintiff **[08]** defendant **[08]** is entitled to get personal clothing, toiletries, and tools of trade from the parties' residence. A law enforcement officer shall assist the plaintiff defendant in returning to the residence to get these items.
6. nguyên đơn **[08]** bị cáo **[08]** có quyền lấy quần áo, dụng cụ vệ sinh cá nhân và đồ nghề riêng của mình từ nhà chung của hai đương sự. Một nhân viên thi hành luật pháp sẽ giúp nguyên đơn bị cáo trở lại nhà để lấy những đồ này.
- 6a. the plaintiff is granted the care, custody, and control of any animal owned, possessed, kept, or held as a pet by either party or minor child residing in the household.
6a. nguyên đơn được giao quyền chăm sóc, nuôi giữ và kiểm soát bất cứ con vật nào mà nguyên đơn, bị cáo hay một trẻ chưa thành niên sống trong gia hộ của họ đang sở hữu, nuôi giữ hay chăm sóc để làm thú cưng.
7. the defendant shall stay away from the plaintiff's residence or any place where the plaintiff receives temporary shelter. A law enforcement officer shall arrest the defendant if the officer has probable cause to believe the defendant has violated this provision. **[04]**
7. bị cáo phải tránh xa nơi ở của nguyên đơn hoặc bất cứ nơi nào mà nguyên đơn đang tạm trú. Một nhân viên thi hành luật pháp sẽ bắt giữ bị cáo nếu có cơ sở chính đáng để tin rằng bị cáo đã vi phạm quy định này. **[04]**
8. the defendant shall stay away from the following places:
8. bị cáo phải tránh xa những nơi liệt kê dưới đây:
- (a) the place where the plaintiff works. **[04]** (b) any school(s) the child(ren) attend. **[04]**
(a) nơi làm việc của nguyên đơn. **[04]** (b) bất cứ (các) trường nào mà (các) trẻ em đang theo học. **[04]**
- (c) the place where the child(ren) receive(s) day care. **[04]** (d) the plaintiff's school. **[04]**
(c) nơi trông giữ (các) trẻ em. **[04]** (d) trường học của nguyên đơn. **[04]**
- (e) Other: (name other places) **[04]**
(e) Nơi khác: (cho biết những nơi khác) **[04]** _____

- The sheriff must deliver a copy of this order to the principal or principal's designee at the following school(s): (name schools)
Cảnh sát trưởng quận/hạt phải đưa một bản sao của lệnh này đến hiệu trưởng hoặc người được hiệu trưởng chỉ định tại (các) trường sau đây: (cho biết tên trường)

9. the plaintiff is granted possession and use of the vehicle described in Block 7 on Page 2. **[08]**
9. nguyên đơn được quyền giữ và sử dụng chiếc xe được miêu tả trong mục số 7 ở trang 2. **[08]**
10. the defendant is ordered to make payments to the plaintiff for support of the minor child(ren) as required by law. **[08]**
10. bị cáo được lệnh trả cho nguyên đơn tiền cấp dưỡng (các) trẻ em chưa thành niên theo quy định luật pháp. **[08]**
11. the defendant is prohibited from possessing or receiving **[07]** purchasing a firearm for the effective period of this Order **[07]** and the defendant's concealed handgun permit is suspended for the effective period of this Order. **[08]**
 The defendant is a law enforcement officer/member of the armed services and may may not possess or use a firearm for official use.
11. bị cáo bị cấm giữ hay nhận **[07]** mua súng trong suốt thời hạn hiệu lực của lệnh này **[07]** và giấy cho phép mang súng giấu trong người của bị cáo bị treo trong suốt thời hạn hiệu lực của Lệnh này. **[08]** Bị cáo là nhân viên thi hành luật pháp/nhân viên quân đội và được không được phép giữ hay sử dụng súng cho các mục đích công việc.

(Over)
(Xem mặt sau)

12. the defendant surrender to the sheriff serving this order the firearms, ammunition, and gun permits described in block No. 4 of the Findings on Page 2 of this Order and any other firearms and ammunition in the defendant's care, custody, possession, ownership or control. **NOTE TO DEFENDANT: You must surrender these items at the time the sheriff serves this Order on you. If the weapons cannot be surrendered at that time, you must surrender them to the sheriff within 24 hours at the time and place specified by the sheriff. Failure to surrender the weapons and permits as ordered or possessing, purchasing, or receiving a firearm, ammunition or permits to purchase or carry concealed firearms after being ordered not to possess firearms, ammunition or permits, is a crime. See "Notice To Parties: To The Defendant" on Page 4 of this Order for information regarding the penalty for these crimes and instructions on how to request return of surrendered weapons.**
12. bị cáo phải nộp cho cảnh sát trưởng quận/hạt, là người tổng đạt lệnh này, các loại súng, đạn và giấy phép mang súng được liệt kê trong mục số 4 của phần Các Xác Nhận ở trang 2 của Lệnh này cũng như bất cứ khẩu súng, đạn dược nào khác mà bị cáo đang quản lý, trông coi, cầm giữ, sở hữu hay kiểm soát. **LƯU Ý DÀNH CHO BỊ CÁO: Quý vị phải giao nộp các món đồ này vào lúc cảnh sát trưởng quận/hạt tổng đạt Lệnh này cho quý vị. Nếu quý vị không thể nộp vũ khí ngay lúc đó thì phải mang nộp chúng cho cảnh sát trưởng quận/hạt trong vòng 24 tiếng tại thời điểm và địa điểm được cảnh sát trưởng chỉ định. Nếu quý vị không nộp các vũ khí và giấy phép theo lệnh, hoặc cầm giữ, mua hay nhận một khẩu súng, đạn dược hay giấy phép để mua hay mang súng giấu trong người sau khi quý vị đã nhận lệnh cấm súng đạn và giấy phép, thì đó là hành vi phạm tội hình sự. Hãy xem phần "Thông Báo Cho Các Đương Sự: Thông Báo Cho Bị Cáo" ở trang 4 của Lệnh này để biết thông tin về hình phạt quy định cho các tội này và được hướng dẫn cách yêu cầu trả lại những vũ khí đã nộp.**
13. the defendant shall attend and complete an abuser treatment program offered by the following agency, which is approved by the Domestic Violence Commission: **[08]**
13. bị cáo phải tham gia và hoàn tất một chương trình điều trị người bạo hành tại cơ quan dưới đây được Ủy Ban Xóa Nạn Bạo Lực Gia Đình chấp thuận: **[08]**
-
14. Other: (specify) **[08]**
14. Lệnh khác: (nếu rõ) **[08]**
15. this action is dismissed and as of this date any ex parte order issued in this case is null and void.
15. vụ án này bị hủy bỏ và kể từ hôm nay bất cứ lệnh đơn phương nào đã ban hành trong vụ này được coi là không có giá trị hay hiệu lực.

**TEMPORARY CUSTODY
QUYỀN GIÁM HỘ TẠM THỜI**

- "Temporary Child Custody Addendum To Domestic Violence Protective Order," AOC-CV-306A, is attached and incorporated into this Order.
"Phụ Lục Về Quyền Giám Hộ Con Tạm Thời của Lệnh Bảo Vệ Vi Bạo Lực Gia Đình," AOC-CV-306A được đính kèm và hợp nhất vào lệnh này.

**FOR CONSENT JUDGMENTS ONLY
CHỈ DÀNH CHO CÁC LỆNH ĐỒNG THUẬN**

Each of us enters into this Consent Order knowingly, freely, and voluntarily. The defendant understands that in consenting to this Order all of the consequences set out in the Notice to Parties and Warnings to Respondent/Defendant in this Order apply.

Chúng tôi mỗi người ký lệnh đồng thuận này một cách có hiểu biết, tự do và tự nguyện. Bị cáo hiểu rằng khi đồng ý ký lệnh này, tất cả các hậu quả ghi trong phần Thông Báo Cho Các Đương Sự và Cảnh Báo Cho Bị Đơn/Bị Cáo ở lệnh này đều sẽ được áp dụng cho mình.

- Each of us agrees that no findings of fact and conclusions of law will be included in this consent protective order.
Chúng tôi mỗi người đồng ý rằng lệnh bảo vệ đồng thuận này không cần có phần xác nhận các sự kiện và kết luận về luật pháp.

<small>Date (mm/dd/yyyy) Ngày (tháng/ngày/năm)</small>	<small>Signature Of Plaintiff Chữ ký của nguyên đơn</small>	<small>Date (mm/dd/yyyy) Ngày (tháng/ngày/năm)</small>	<small>Signature Of Defendant Chữ ký của bị cáo</small>
SIGNATURE OF JUDGE CHỮ KÝ CỦA THẨM PHÁN			
<small>Date (mm/dd/yyyy) Ngày (tháng/ngày/năm)</small>	<small>Name Of District Court Judge (type or print) Tên của Thẩm Phán Tòa Án Khu Vực (đánh máy hay viết chữ in)</small>	<small>Signature Of District Court Judge Chữ Ký của Thẩm Phán Tòa Án Khu Vực</small>	

(Over)
(Xem mặt sau)

**NOTICE TO PARTIES
THÔNG BÁO CHO CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TO THE DEFENDANT:
THÔNG BÁO CHO BỊ CÁO:**

1. If this Order prohibits you from possessing, receiving or purchasing a firearm and you violate or attempt to violate that provision, you may be charged with a Class H felony pursuant to North Carolina G.S. 14-269.8 and may be imprisoned for up to 39 months.
1. Nếu Lệnh này cấm quý vị cầm giữ, nhận hay mua súng và quý vị vi phạm hoặc có ý định vi phạm quy định đó thì quý vị có thể bị truy tố tội đại hình bậc H chiếu theo điều G.S. 14-269.8 của North Carolina và có thể bị giam tù đến tối đa 39 tháng.
2. If you have been ordered to surrender your firearms, ammunition, and gun permits and you fail to surrender them as required by this Order, or if you failed to disclose to the Court all information requested about possession of these items, or provided false information to the Court about any of these items you may be charged with a Class H felony and may be imprisoned for up to 39 months. If you surrendered your firearms, ammunition, and permits, you may file a motion for the return of weapons with the clerk of court in the county in which this Order was entered when the protective order is no longer in effect, except if at the time this Order expires criminal charges, in either state or federal court, are pending against you and are alleged to have been committed against the person who is protected by this Order, you may not file for return of the firearms until final disposition of the criminal charges. The form, "Motion For Return Of Weapons Surrendered Under Domestic Violence Protective Order" AOC-CV-319, is available from the clerk of court's office. The motion must be filed **not later than 90 days after the expiration of the Order that required you to surrender the firearms or if you have pending criminal charges alleged to have been committed against the person who is protected by the domestic violence protection order, the motion must be filed not later than 90 days after final disposition of the criminal charges.** At the time you file the motion, the clerk will schedule a hearing before the district court for a judge to determine whether to return the surrendered weapons to you. The sheriff cannot return your weapons unless the Court orders the sheriff to do so. You must pay the sheriff's storage fee before the sheriff returns your weapon. If you fail to file a motion for return of the weapons within 90 days after the expiration of this Order, or the final disposition of criminal charges pending at the time this Order expired, or if you fail to pay the storage fees **within 30 days after the Court enters an order to return your weapons,** the sheriff may seek an order from the Court to dispose of your weapons.
2. Nếu quý vị được lệnh phải giao nộp các khẩu súng, đạn dược và giấy phép mang súng nhưng quý vị không nộp chúng theo Lệnh này, hoặc quý vị không khai với Tòa Án đầy đủ thông tin được yêu cầu về các món đồ kể trên mà quý vị hiện có, hoặc quý vị khai với Tòa Án sai sự thật về bất cứ món đồ nào kể trên thì quý vị có thể bị truy tố tội đại hình bậc H và bị giam tù đến tối đa 39 tháng. Nếu quý vị đã giao nộp các khẩu súng, đạn dược và giấy phép thì quý vị có thể nộp kiến nghị với lục sự Tòa Án ở quận/hạt nơi ban hành Lệnh này để yêu cầu được trả lại vũ khí của mình khi lệnh bảo vệ đã hết hiệu lực, trừ phi vào thời điểm Lệnh hết hiệu lực quý vị đang chờ xét xử các tội hình sự ở tòa án tiểu bang hay liên bang vi bị cho là có hành vi phạm tội đối với người được bảo vệ theo Lệnh này. Trong trường hợp đó quý vị phải chờ đến khi các tội hình sự đó được giải quyết xong thì mới nộp đơn yêu cầu được trả lại súng. Mẫu "Kiến Nghị Được Trả Lại Vũ Khí Đã Giao Nộp Theo Lệnh Bảo Vệ Vì Bạo Lực Gia Đình" AOC-CV-319 có sẵn tại phòng lục sự Tòa Án. Kiến nghị này phải được nộp **muộn nhất là 90 ngày sau ngày hết hạn ghi trong Lệnh bắt quý vị nộp súng; hoặc nếu quý vị đang chờ xét xử các tội hình sự vi bị cho là có hành vi phạm tội đối với người được bảo vệ theo lệnh bảo vệ vì bạo lực gia đình này thì phải nộp kiến nghị muộn nhất là 90 ngày sau ngày giải quyết xong các tội hình sự đó.** Khi quý vị nộp kiến nghị, lục sự sẽ lên lịch phiên tòa trên tòa án khu vực để một thẩm phán xác định xem có nên trả lại cho quý vị các vũ khí đã nộp hay không. Cảnh sát trưởng quận/hạt không thể trả lại các vũ khí của quý vị trừ phi có lệnh của Tòa Án cho phép làm việc đó. Quý vị phải trả lệ phí lưu kho trước khi cảnh sát trưởng quận/hạt trả lại vũ khí cho quý vị. Nếu quý vị không nộp kiến nghị yêu cầu được trả lại vũ khí trong vòng 90 ngày kể từ ngày hết hạn của Lệnh này hoặc kể từ ngày giải quyết xong các tội hình sự còn trong vòng xét xử vào lúc Lệnh hết hạn, hoặc nếu quý vị không trả đầy đủ các lệ phí lưu kho **trong vòng 30 ngày sau khi Tòa Án ra lệnh trả lại vũ khí cho quý vị,** thì cảnh sát trưởng quận/hạt có thể yêu cầu Tòa Án ra lệnh cho phép họ xử lý vũ khí của quý vị.

**TO THE PLAINTIFF:
THÔNG BÁO CHO NGUYÊN ĐƠN:**

1. You should keep a copy of this protective order on you at all times and should make copies to give to your friends and family. If you move to another county or state, you may wish to give a copy to the law enforcement agency where you move, but you are not required to do so.
1. Quý vị cần luôn luôn giữ một bản sao của lệnh bảo vệ này trong người và làm các bản sao khác để đưa cho bạn bè và gia đình. Nếu quý vị chuyển đến một quận/hạt hay tiểu bang khác, quý vị có thể đưa một bản sao cho cơ quan thi hành luật pháp tại nơi đó nhưng không bắt buộc phải làm như vậy.
2. The court or judge is the only one that can make changes to this order. If you wish to change any of the terms of this order, you must come back into court to have the judge modify the order.
2. Tòa Án và thẩm phán là những người duy nhất có thẩm quyền thay đổi Lệnh này. Nếu quý vị muốn thay đổi bất cứ quy định nào trong Lệnh thì phải trở lại Tòa Án và yêu cầu thẩm phán thay đổi Lệnh.

(Over)
(Xem mặt sau)

3. If the defendant violates any provision of this order, you may call a law enforcement officer or go to a magistrate to charge the defendant with the crime of violating a protective order. You also may go to the clerk of court's office in the county where the protective order was issued and ask to fill out form AOC-CV-307, Motion For Order To Show Cause Domestic Violence Protective Order, to have an order issued for the defendant to appear before a district court judge to be held in contempt for violating the order.
3. Nếu bị cáo vi phạm bất cứ quy định nào trong Lệnh này, quý vị có thể gọi điện cho nhân viên thi hành luật pháp hoặc đến gặp quan tòa để yêu cầu bị cáo bị truy tố tội vi phạm lệnh bảo vệ. Quý vị cũng có thể đến phòng Lục Sự Tòa Án ở quận/hạt nơi ban hành lệnh bảo vệ và yêu cầu họ cho quý vị điền vào mẫu AOC-CV-307, Kiến Nghị Ra Lệnh Hài Tòa Để Trình Bày Lý Do Đối Với Lệnh Bảo Vệ Vi Bạo Lực Gia Đình, và tòa án sẽ ra lệnh cho bị cáo phải ra trước một thẩm phán của tòa án khu vực để bị xử có tội coi thường tòa án vì vi phạm Lệnh.

**CERTIFICATE OF SERVICE WHEN DEFENDANT NOT PRESENT AT HEARING
CHỨNG NHẬN TỔNG ĐẠT LỆNH KHI BỊ CÁO KHÔNG CÓ MẶT TẠI PHIÊN TÒA**

I certify that this Order and Notice to Parties has been served on the defendant named by depositing a copy in a post-paid, properly addressed envelope in a post office or official depository under the exclusive care and custody of the United States Postal Service.
Tôi xác nhận rằng Ấn Lệnh và Thông Báo Cho Các Đương Sự này đã được tổng đạt cho bị cáo nêu trên bằng cách bỏ một bản sao vào một bì thư được trả đủ cước phí, ghi địa chỉ chính xác và gửi tại một bưu điện hay hộp thư chính thức do Dịch Vụ Bưu Chính Hoa Kỳ có độc quyền quản lý và bảo trì.

Date (mm/dd/yyyy) Ngày (tháng/ngày/năm)	Signature Chữ ký	<input type="checkbox"/> Deputy CSC Phó LSTTT <input type="checkbox"/> Clerk Of Superior Court Lục Sự Tòa Thượng Thẩm	<input type="checkbox"/> Assistant CSC Phụ Tá LSTTT <input checked="" type="checkbox"/> Other Người khác _____
--	---------------------	--	---

VUI LÒNG ĐIỀN VÀO PHIÊN BẢN TIẾNG ANH CỦA MẪU NÀY

(Over)
(Xem mặt sau)

**CERTIFICATION
CHỨNG NHẬN**

I certify this order is a true copy.
Tôi chứng nhận rằng đây là bản sao y bản chính của án lệnh.

Date (mm/dd/yyyy) Ngày (tháng/ngày/năm)	Signature Of Clerk Chữ ký của Lục Sự	<input type="checkbox"/> Deputy CSC Phó LSTTT	<input type="checkbox"/> Assistant CSC Phụ Tá LSTTT
		<input type="checkbox"/> Clerk Of Superior Court Lục Sự Tòa Thượng Thẩm	

NOTE TO CLERK: A copy of this Order shall be mailed or given to each party, to your sheriff, and to the police department of the plaintiff's residence, if any. Send extra copies to the sheriff if required to deliver copy(ies) to child(ren)'s school.
LƯU Ý DÀNH CHO LỤC SỰ: Một bản sao của Án Lệnh này sẽ được gửi đến hay đưa cho mỗi đương sự, cho cảnh sát trưởng quận/hạt, và cho sở cảnh sát ở khu vực mà nguyên đơn cư trú, nếu có. Gửi thêm một vài bản sao cho cảnh sát trưởng quận/hạt nếu cần đưa bản sao cho trường của (các) trẻ em.

**TEMPORARY CHILD CUSTODY ADDENDUM
TO DOMESTIC VIOLENCE PROTECTIVE ORDER
(must be attached to Domestic Violence Order of Protection)
PHỤ LỤC VỀ QUYỀN GIÁM HỘ CON TẠM
THỜI CỦA LỆNH BẢO VỆ VÌ BẠO LỰC GIA ĐÌNH
(phải được đính kèm theo Lệnh Bảo Vệ Vì Bạo Lực Gia Đình)**

NOTE TO THE JUDGE: G.S. 50B-3(a1) provides that "[u]pon the request of either party at a hearing after notice or service of process, the court shall consider and may award temporary custody of minor children and establish temporary visitation rights [...]" The Court shall base its decision on the best interest of the child with particular consideration given to the safety of the child.
LƯU Ý DÀNH CHO THẨM PHÁN: G.S. 50B-3(a1) quy định rằng "[t]heo yêu cầu của một trong hai bên tại phiên tòa và sau khi các bên được thông báo hay tổng đạt giấy tờ đúng cách, Tòa Án sẽ xem xét và có thể ra lệnh giao quyền giám hộ tạm thời đối với các con chưa thành niên cùng với lệnh tạm thời xác nhận quyền thăm con [...]" Tòa Án sẽ quyết định dựa trên cơ sở việc gì mang lại lợi ích tốt nhất cho trẻ em, và đặc biệt xem xét đến sự an toàn của trẻ.

**FINDINGS
CÁC SỰ VIỆC ĐƯỢC XÁC NHẬN**

1. The defendant requested custody and gave proper notice of this request to the plaintiff.
1. Bị cáo đã yêu cầu được quyền giám hộ con và đã thông báo đúng cách cho nguyên đơn biết về yêu cầu này.
2. The parties are the parents of the following children under the age of eighteen (18). The child(ren) are presently in the physical custody of the plaintiff. defendant. The plaintiff defendant has submitted an "Affidavit As To The Status Of The Minor Child," which is incorporated by reference into this Order. **NOTE TO JUDGE:** A copy of AOC-CV-609 for each child must be attached to the order.
2. Các đương sự là cha mẹ của những trẻ em dưới mười tám (18) tuổi có tên dưới đây. (Các) trẻ này hiện đang được nguyên đơn bị cáo nuôi giữ. Nguyên đơn Bị cáo đã nộp "Bản Khai Hữu Thệ Về Hoàn Cảnh của Trẻ Chưa Thành Niên" và văn bản này được hợp nhất vào lệnh này thông qua việc dẫn chiếu. **LƯU Ý DÀNH CHO THẨM PHÁN:** Lệnh phải được đính kèm một bản sao mẫu AOC-CV-609 cho mỗi trẻ.

Name Tên, họ	Sex Giới tính	Date Of Birth (mm/dd/yyyy) Ngày sinh (tháng/ngày/năm)	Name Tên, họ	Sex Giới tính	Date Of Birth (mm/dd/yyyy) Ngày sinh (tháng/ngày/năm)

3. The following statutory factors were raised by the evidence and the Court makes the following findings based on the evidence presented. (Check only those factors for which evidence was presented and make findings regarding the evidence presented for those factors.)
3. Có bằng chứng về những vấn đề được quy định trong luật pháp dưới đây, và Tòa Án đưa ra các xác nhận dưới đây dựa trên các bằng chứng đã trình bày. (Chỉ đánh dấu các vấn đề nào liên quan đến bằng chứng đã trình bày, và xác nhận các sự việc cần cứ vào những bằng chứng đó.)
- "Whether the minor child was exposed to a substantial risk of physical or emotional injury or sexual abuse." Findings:
"Trẻ em chưa thành niên đã có nhiều nguy cơ bị thương tổn thể chất, tinh thần hay lạm dụng tình dục không?" Xác nhận:
- "Whether the minor child was present during acts of domestic violence." Findings:
"Trẻ em chưa thành niên đã có mặt trong khi xảy ra hành động bạo lực đối với người thân không?" Xác nhận:

(Over)
(Xem mặt sau)

FINDINGS (continued)
CÁC XÁC NHẬN (tiếp tục)

- “Whether a **weapon was used or threatened to be used** during any act of violence.” Findings:
“Có đương sự nào **đã sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ khí** trong bất cứ hành động bạo lực nào không?” Xác nhận:
- “Whether a party **caused or attempted to cause serious bodily injury** to the aggrieved party or minor child.” Findings:
“Có đương sự nào **đã gây hoặc cố gắng gây thương tích trầm trọng** cho bên bị hại hay trẻ em chưa thành niên không?”
Xác nhận:
- “Whether a party placed the aggrieved party or the minor child in **reasonable fear of imminent serious bodily injury.**”
Findings:
“Có đương sự nào đã làm cho bên bị hại hay trẻ em chưa thành niên **cảm thấy sợ hãi là có thể bị thương tích trầm trọng trong thời gian trước mắt** không?” Xác nhận:
- “Whether a party **caused an aggrieved party to engage involuntarily in sexual relations** by force, threat or duress.”
Findings:
“Có đương sự nào đã sử dụng vũ lực, sự đe dọa hay ép buộc để **khiến bên bị hại phải có quan hệ tình dục ngoài ý muốn** không?” Xác nhận:
- “Whether there is a **pattern of abuse** against the aggrieved party or minor child.” Findings:
“Bên bị hại hay trẻ em chưa thành niên có bị **ngược đãi nhiều lần** không?” Xác nhận:
- “Whether a party has **abused or endangered the minor child during visitation.**” Findings:
“Có đương sự nào **đã ngược đãi hay gây nguy hiểm cho trẻ em chưa thành niên trong thời gian thăm con** không?”
Xác nhận:
- “Whether a party has **used visitation as an opportunity to abuse or harass the aggrieved party.**” Findings:
“Có đương sự nào **đã lợi dụng thời gian thăm con để ngược đãi hay quấy nhiễu bên bị hại** không?” Xác nhận:
- “Whether a party has improperly **concealed or detained** the minor child.” Findings:
“Có đương sự nào đã **che giấu hay giữ lại** trẻ em chưa thành niên không?” Xác nhận:
- “Whether a party has otherwise acted in a manner that is not in the best interest of the minor child.” Findings:
“Có đương sự nào đã có hành vi khác không mang lại lợi ích tốt nhất cho trẻ em chưa thành niên không?” Xác nhận:
4. Other findings as to whether it is in the best interest of the child(ren) that custody be awarded with particular consideration given to the safety of the child(ren):
4. Các xác nhận khác liên quan đến vấn đề có nên giao quyền giám hộ cho một bên để mang lại lợi ích tốt nhất cho (các) trẻ em hay không, với sự chú trọng đặc biệt vào sự an toàn của (các) trẻ em:

(Over)
(Xem mặt sau)

Name Of Plaintiff
Tên Nguyên Đơn

Name Of Defendant
Tên Bị Cáo

File No.
Số Hồ Sơ

**CONCLUSIONS
CÁC KẾT LUẬN**

1. The Court has jurisdiction under the Uniform Child Custody Jurisdiction And Enforcement Act.
1. Tòa Án có thẩm quyền xét xử chiếu theo Điều Luật Thống Nhất về Thẩm Quyền Xét Xử và Thi Hành Lệnh Giám Hộ Trẻ Em.
2. It is in the best interest of the minor child(ren) that temporary custody be given to plaintiff. defendant. [08]
 and that the defendant plaintiff be granted visitation.
2. Để mang lại lợi ích tốt nhất cho (các) trẻ em chưa thành niên, cần giao quyền giám hộ tạm thời cho nguyên đơn.
 bị cáo. [08] và bị cáo nguyên đơn được quyền thăm con.
3. The Court concludes that temporary custody should not be awarded at this time.
3. Tòa Án kết luận là không nên giao quyền giám hộ tạm thời cho bên nào vào lúc này.

**ORDER
ÁN LỆNH**

Therefore it is ORDERED that:

Do đó, Tòa RA LỆNH rằng:

1. temporary custody of the minor child(ren) named on Side One is granted to plaintiff. defendant.
1. nguyên đơn bị cáo được quyền giám hộ tạm thời (các) trẻ em chưa thành niên có tên ở mặt một.
2. The defendant plaintiff is entitled to visitation under the terms listed below:
2. Bị cáo Nguyên đơn có quyền đến thăm con với các điều kiện dưới đây:
- a. supervised visitation as follows: (specify the person or agency providing supervision, the location, frequency and length of visitation)
a. thăm con có người giám sát, như sau: (cho biết tên của người hay cơ quan giám sát cũng như địa điểm, thời gian thăm con và mức độ thường xuyên)
- OR
HOẶC**
- unsupervised visitation as follows: (specify the location, frequency and length of visitation)
thăm con không có người giám sát, như sau: (cho biết địa điểm, thời gian thăm con và mức độ thường xuyên)
- b. (name person) _____ shall be responsible for transportation of the minor child(ren) to visitation and (name person) _____ shall be responsible for transportation of the minor child(ren) from visitation. The exchange at the start of visitation shall occur at (name location) _____ and the exchange at the conclusion of visitation shall occur at (name location) _____.
- b. (tên người) _____ sẽ có trách nhiệm chở (các) trẻ em chưa thành niên đến buổi thăm và (tên người) _____ sẽ có trách nhiệm chở (các) trẻ em chưa thành niên về từ buổi thăm. Nơi giao con cho người kia vào lúc bắt đầu buổi thăm là (tên địa điểm) _____ và nơi trả con lại vào lúc kết thúc buổi thăm là (tên địa điểm) _____.
- c. Other:
c. Điều kiện khác:

3. temporary custody is not awarded.
3. không giao quyền giám hộ tạm thời cho bên nào.
4. The order is effective until (give date (mm/dd/yyyy) which cannot be longer than one year): _____
4. Lệnh này có hiệu lực cho đến (cho biết ngày (tháng/ngày/năm) không quá một năm): _____

Date (mm/dd/yyyy)
Ngày (tháng/ngày/năm)

Name Of District Court Judge (type or print)
Tên của Thẩm Phán Tòa Án Khu Vực (đánh máy hay viết chữ in)

Signature Of District Court Judge
Chữ Ký của Thẩm Phán Tòa Án Khu Vực